

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 03/5/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài
sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tùng Lâm

Bà Quách Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 25 tháng 4 năm 2024 và 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung và tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 736/2023/HNGĐ-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1317/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Diễm T, sinh năm 1983

Địa chỉ: 1 Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: 8 L, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị U - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Bị đơn: Ông Ngô Anh Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: 1 Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trịnh Công M** – Văn phòng L2 thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Em **Nguyễn Nhã V**, sinh năm 2001.

2/ Em **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 2006 – có ông **Ngô Anh Q** làm đại diện hợp pháp;

Cùng địa chỉ: **1 Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Do có kháng cáo của ông **Ngô Anh Q** - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà **Thái Thị Diễm T** trình bày:*

Bà **Thái Thị Diễm T** và ông **Ngô Anh Q** có quan hệ tình cảm với nhau vào năm 2002 ông bà có con chung là **Thái Thị Thanh B**, sinh ngày 15/07/2002, lúc này do chưa kết hôn nên cháu **Thái Thị Thanh B** lấy họ mẹ. Năm 2013, ông bà chính thức sống chung với nhau tại địa chỉ **1 Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2017, sau khi ông bà sinh thêm con chung tên **Ngô Bá T1** thì đi đăng ký kết hôn và được **UBND phường P, quận T** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 01/12/2017.

Quá trình chung sống thời gia đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do liên quan đến vấn đề kinh tế, chi tiêu tài chính trong gia đình. Hai người làm ăn chung mua bán thực phẩm tươi sống (cá viên, bò viên, xúc xích...) ông **Q** là người quản lý toàn bộ tài chính kiểm soát việc chi tiêu của bà **T** nên thường xuyên cãi vã nhau và cả hai đã sống ly thân, nhiều lần cả hai cố gắng hòa giải nhưng không được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **T** yêu cầu xin ly hôn cùng ông **Q**.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là **Thái Thị Thanh B** - sinh năm 2002, **Ngô Bá T1** - sinh ngày 11/10/2017. Bà **T** xin được nuôi con chung tên **Ngô Bá T1**, yêu cầu ông **Q** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành. Đối với con chung **Thái Thị Thanh B** đã trưởng thành nên bà không tranh chấp.

- Về tài sản chung: Bà **T** đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ **1 Khu Ô, phường P, quận T, TP.** theo quy định của pháp luật. Bà xin rút yêu cầu chia tài sản chung là tiền gửi ngân hàng do ông **Q** gửi.

- Về nợ chung: Theo giấy nợ ngày 04/10/2019 bà **T** và ông **Q** có vay tiền của bà **Ngô Thị Thùy V1**, sinh năm 1969 (chị ruột ông **Q**) số tiền 20.000 USD, thời hạn 04 năm trả, mục đích vay để xây nhà. Hiện nay số tiền này ông bà vẫn chưa trả cho bà **V1**. Trước đây trong quá trình Tòa án làm việc bà **T** trình bày nợ chung không có, vì số tiền này bà **V1** cho ông bà để xây nhà nhưng phải viết giấy nợ. Nay bà đồng ý cùng ông **Q** trả nợ cho bà **V1**.

* Bị đơn ông **Ngô Anh Q** trình bày:

- Về hôn nhân: Ông bà tự nguyện sống chung nhau từ năm 2014, đến năm 2017 khi sinh con tên **Ngô Bá T1** thì ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **P**, quận **T**, Thành phố **Hồ Chí Minh** vào ngày 02/12/2017. Trong quá trình sống chung vợ chồng cũng có nhiều phát sinh mâu thuẫn về chi tiêu tiền bạc trong gia đình, do ông phải lo kinh tế cho cả gia đình bà **T** ở quê nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vào năm 2020 bà **T** dọn ra ngoài sống riêng. Đến năm 2022 thì bà **T** về chung sống được khoảng 06 tháng thì bà **T** lại dọn ra ngoài sống cho đến nay. Nay bà **T** xin ly hôn ông đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm nhau.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung tên **Thái Thị Thanh B**, sinh năm 2002 và **Ngô Bá T1**, sinh ngày 11/10/2017. Ông xin được nuôi con chung tên **Ngô Bá T1**, không yêu cầu bà **T** cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa xử giao con chung cho bà **T** nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay ông đã lớn tuổi và đang nuôi hai con riêng đang đi học, ông đang bị bệnh viêm gan C, hen xuyên cấp tính, huyết áp không có an sinh xã hội nên không có khả năng cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng/tháng như bà **T** yêu cầu.

Đối với cháu **Thái Thị Thanh B** đã trưởng thành không tranh chấp.

- Về tài sản chung: Giữa ông và bà **T** không có tài sản chung. Đối với căn nhà và đất tại địa chỉ **số A Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** được xây dựng năm 2019 là tài sản riêng do ông bà để lại, không phải tài sản chung với bà **T** nên ông không đồng ý yêu cầu phân chia tài sản chung của bà **T**, đối với tiền xây dựng căn nhà do ông dành dụm trước khi đăng ký kết hôn cùng tiền của anh chị ông ở nước ngoài gửi về cho tôi xây nhà tổng cộng 60.000 USD.

Đến năm 2000 ông phải đi cai nghiện nên đưa lại cho em trai ông là **Ngô Anh H** đứng ra làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 thì ông **H** và các anh em trong gia đình cùng ký tên đồng ý làm thủ tục chuyển quyền sang tên lại cho tôi và tôi mới tiến hành làm thủ tục xin giấy phép để xây nhà. Đối với công việc mua bán thực phẩm tươi sống (cá viên, bò viên, xúc xích...) ông là chủ, người đầu tư chất xám, vốn liếng, mối quan hệ khách hàng và chủ hàng, tất cả các hợp đồng mua bán đều do ông ký và điều hành, bà **T** là người phụ và coi nhà

nên hai vợ chồng không có tài sản chung gì.

- Về nợ chung: Theo giấy nợ ngày 04/10/2019 ông và bà **Thái Thị Diễm T** có vay tiền của bà **Ngô Thị Thùy V1**, sinh năm 1969 số tiền 20.000 USD, thời hạn 04 năm trả, mục đích vay để xây nhà. Hiện nay số tiền này chúng ông bà vẫn chưa trả cho bà **V1**, ông đề nghị bà **T** chia 50% (10.000USD) số nợ để trả cho bà **V1**.

Bà **Ngô Thị Thùy V1** là chị ruột của ông **Q** đang ở Hoa Kỳ (Mỹ). Ông không thể cung cấp địa chỉ chỗ ở của bà **V1** cho Tòa án. Lý do số tiền cho vay này là tiền riêng của bà **V1**, chồng bà **V1** không biết. Nếu ông cung cấp địa chỉ của bà **V1** cho Tòa án thì Tòa án sẽ thông báo và mời bà **V1** lên làm việc thì chồng bà **V1** sẽ biết, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình bà **V1** (đây là ý của bà **V1**). Ngoài ra do thông tin cá nhân của bà **Ngô Thị Thùy V1** ở nước ngoài được bảo mật nên ông không thể cung cấp. Ông và bà **Thái Thị Diễm T** đã thừa nhận số tiền nợ của bà **V1** nên ông nghĩ không cần thiết phải cung cấp thông tin chủ nợ là bà **Ngô Thị Thùy V1**.

Trước đây trong quá trình Tòa án làm việc ông trình bày nợ chung không có, vì số tiền này bà **V1** cho ông để xây nhà ông bà để lại nhưng phải viết giấy nợ nếu vợ chồng hạnh phúc chung sống bình thường thì bà **V1** cho luôn số tiền còn nếu có tranh chấp thì phải trả lại cho bà **V1**.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* **Nguyễn Nhã V** và **Nguyễn Hoàng L** trình bày:

Hai chị là con riêng của ông **Q**, hiện hai chị đang sống trong căn nhà số **A Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Hai chị không đóng góp xây nhà nên hai chị không tranh chấp gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 736/2023/HNGĐ-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, đã quyết định:

“ ...

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Thái Thị Diễm T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà **Thái Thị Diễm T** và ông **Ngô Anh Q**. Quan hệ hôn nhân giữa bà **Thái Thị Diễm T** và ông **Ngô Anh Q** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường **P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà **Thái Thị Diễm T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Ngô Bá T1**, sinh ngày 11/10/2017. Buộc ông **Ngô Anh Q** nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.0000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi trẻ trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp bà **T** không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông **Q** hoặc bà **T**, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Buộc ông **Ngô Anh Q** có nghĩa vụ chia lại cho bà **Thái Thị Diễm T** $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng số A Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 1.446.101.372 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Không xem xét, bà **Ngô Thị Thùy V1**, sinh năm 1969 (là chị ruột ông **Q**) được quyền khởi kiện bà **T** và ông **Q** bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Không chấp nhận yêu cầu chia giá trị đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại: 173/45/47 K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của bà **T**.

...”

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, thi hành án.

Ngày 15/8/2023, ông **Ngô Anh Q** kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn; bác yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà **Thái Thị Diễm T** trình bày:

Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bị đơn ông **Ngô Anh Q** trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: đúng thời hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị không cấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Anh Q**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Điều chỉnh án phí ly hôn: Bà **Thái Thị Diễm T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông **Ngô Anh Q** làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm;

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Ngô Anh Q**:

[2.1] Về yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn bà **Thái Thị Diễm T**:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông **Ngô Anh Q** trình bày vào thời điểm kết hôn thì giữa ông và bà **Thái Thị Diễm T** không có tài sản chung, số tiền xây nhà 173/45/47 **đường K, phường P, quận T** vào năm 2019 là tiền riêng của ông có trong tài khoản tại **Ngân hàng V2** là 1.540.000.000 đồng; tiền của chị và em ruột ở Mỹ gửi về 70.000 USD cho mượn đúng vào lúc xây nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù số tiền ông **Ngô Anh Q** vừa trình bày là tiền riêng và tiền mượn của người thân ở nước ngoài, tuy nhiên khi ông **Ngô Anh Q** đứng ra ký hợp đồng lập bản vẽ thiết kế xây dựng nhà 173/45/47 **đường K, phường P, quận T** với **Công ty TNHH T3** trong thời kỳ hôn nhân, ông **Ngô Anh Q** không có chứng cứ chứng minh việc thanh toán tiền xây dựng nhà là tiền riêng của ông thì tại thời điểm này ông **Ngô Anh Q** cũng đã mặc nhiên, tự nguyện nhập số tiền riêng vào khối tài sản chung vợ chồng. Do đó, bản án sơ thẩm xác định công trình xây dựng nhà 173/45/47 **đường K, phường P, quận T** trị giá 2.892.202.744 đồng theo Chứng thư định giá ngày 20/4/2023 của **Công ty TNHH T4** là tài sản chung và chia cho bà **Thái Thị Diễm T** ½ giá trị xây dựng là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Ông **Ngô Anh Q** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ **Ngô Bá T1** sinh ngày 11/10/2017 với lý do ông có kinh tế vững, thu nhập cao, ổn định và có kỹ năng chăm sóc trẻ bị tăng động, giáo dục con tốt. Bản án sơ thẩm nhận định từ ngày ông **Ngô Anh Q** và bà **Thái Thị Diễm T** ly thân thì trẻ **Ngô Bá T1** được bà **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và để ổn định về tâm lý và sự phát triển của trẻ nên giao con chung cho bà **Thái Thị Diễm T** tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ông **Ngô Anh Q** và bà **Thái Thị Diễm T** đều có đầy đủ sức khỏe và tài chính để trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Ngô Bá T1** tốt như nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông **Ngô Anh Q** không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà **Thái Thị Diễm T** chăm sóc trẻ **T1** không tốt, mà trẻ **T1** còn nhỏ lại mắc bệnh tăng động, do đó để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ cần thiết giao trẻ **Ngô Bá T1** cho bà **Thái Thị Diễm T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc như phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Anh Q**.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Do bà **T** và ông **Q** thuận tình ly hôn nên bà **T** và ông **Q** phải chịu 50% mức án phí theo quy định với yêu cầu xin ly hôn là 150.000 đồng. Do đó bà **T** chịu 25% án phí là 75.000 đồng, ông **Q** phải chịu 25% án phí là 75.000 đồng.

Ông **Q** phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án phí chia tài sản chung: Bà **T** phải chịu án phí chia tài sản chung với số tiền là 55.383.000 đồng. Ông **Q** phải chịu án phí chia tài sản chung với số tiền là 55.383.000 đồng

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 11, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại: 173/45/47 K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AD144464, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H04046 ngày 03/10/2005 cho ông **Ngô Văn T2** và bà **Phạm Thị Kim A** đứng tên do ông **Ngô Anh H** đại diện thừa kế khai trình, để thừa kế và tặng cho ông **Ngô Anh Q**, cập nhật biến động ngày 12/6/2019 có diện tích khuôn viên 91,1m², diện tích xây dựng 109m², diện tích sử dụng 78,1m², không phải là tài sản chung của ông **Ngô Anh Q** và bà **Thái Thị Diễm T** và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu chia giá trị đối với thửa đất nêu trên nhưng không buộc bà **Thái Thị Diễm T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là có thiếu sót, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí này.

[3.2] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên ông **Ngô Anh Q** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành Hồ Chí Minh; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Ngô Anh Q** và sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Anh Q**;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 736/2023/HNGĐ-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú về phần án phí, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Thái Thị Diễm T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà **Thái Thị Diễm T** và ông **Ngô Anh Q**. Quan hệ hôn nhân giữa bà **Thái Thị Diễm T** và ông **Ngô Anh Q** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 207 ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà **Thái Thị Diễm T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Ngô Bá T1**, sinh ngày 11/10/2017. Buộc ông **Ngô Anh Q** nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.0000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi trẻ trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp bà **T** không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông **Q** hoặc bà **T**, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Buộc ông **Ngô Anh Q** có nghĩa vụ chia lại cho bà **Thái Thị Diễm T** $\frac{1}{2}$ giá trị xây dựng số A Khu Ô, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 1.446.101.372 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Không xem xét, bà **Ngô Thị Thùy V1**, sinh năm 1969 (là chị ruột ông **Q**) được quyền khởi kiện bà **T** và ông **Q** bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Không chấp nhận yêu cầu chia giá trị đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại: **173/45/47 K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh** của bà **T**.

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm:

Bà **Thái Thị Diễm T** nộp số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí ly hôn; nộp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và nộp số tiền 55.383.000 đồng (Năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng) án phí chia tài sản chung, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0036512 ngày 27/10/2022 và vào số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013505 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Thái Thị Diễm T** phải nộp tiếp số tiền 49.208.000 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

Ông **Ngô Anh Q** phải nộp số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và số tiền 55.383.000 đồng (Năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng) án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền ông **Q** phải nộp là 55.758.000 đồng (Năm mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng).

3.2 Án phí phúc thẩm:

Ông **Ngô Anh Q** phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006502 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông **Ngô Anh Q** đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM
- TAND Q. Tân Phú;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi Cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ, (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Anh